

CÔNG TY TNHH
THÀNH PHỐ AQUA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2025-CV-AQUA

Đồng Nai, ngày 11 tháng 04 năm 2025

V/v: Công bố thông tin bất thường
của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

- Kính gửi:
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
 - NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty TNHH Thành phố Aqua gửi nội dung công bố thông tin bất thường như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

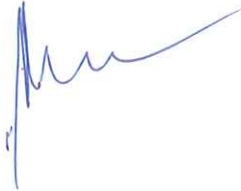
- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ AQUA;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600994616;
Ngày cấp: 22/04/2008 - Nơi cấp: Sở KH & Đầu Tư tỉnh Đồng Nai;
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô AP 1-5, Khu đô thị Aqua City, ấp An Xuân, xã Long Hưng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng nhà để ở;
- Mã số thuế: 3600994616.

2. Nội dung công bố thông tin bất thường:

Nội dung	Thông tin chi tiết của các thông tin bất thường được công bố
Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành.	Giải chấp tài sản bảo đảm là 13 Quyền sử dụng đất đang bảo đảm cho các Trái phiếu TPACH2125001; TPACH2124002; TPACH2024003; TPACH2025004 để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MB"). Chi tiết 13 Quyền sử dụng đất theo Phụ lục đính kèm

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



TP TÀI CHÍNH DỰ ÁN
TRẦN NGUYỄN HUY NHÂN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ

qh **THÔNG TIN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Mạnh Cường
PHÓ GIÁM ĐỐC

DANH SÁCH 13 GCN QSDĐ GIẢI CHẤP

STT	Số GCN	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất theo GCNQSDĐ (m ²)	Mục đích sử dụng	Số vào sổ cấp giấy CN	Ngày cấp	Cơ quan cấp
Khu 6								
1	BT 180957	21	343	5.592,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21269	18/6/2014	Sở TNMT
2	BT 180958	21	345	4.183,20	Đất ở tại nông thôn	CT 21270	18/6/2014	Sở TNMT
3	BT 180963	21	355	2.394,30	Đất ở tại nông thôn	CT 21275	18/6/2014	Sở TNMT
4	BT 180970	21	367	16.041,70	Đất ở tại nông thôn	CT 21282	18/6/2014	Sở TNMT
Khu 7								
5	BT 180912	22	163	4.214,30	Đất ở tại nông thôn	CT 21223	18/6/2014	Sở TNMT
6	BT 180915	22	166	4.245,20	Đất ở tại nông thôn	CT 21226	18/6/2014	Sở TNMT
7	BT 180923	22	173	8.402,60	Đất ở tại nông thôn	CT 21234	18/6/2014	Sở TNMT
8	BT 180916	22	168	13.227,50	Đất ở tại nông thôn	CT 21227	18/6/2014	Sở TNMT
9	BT 180919	22	170	13.789,10	Đất ở tại nông thôn	CT 21230	18/6/2014	Sở TNMT
10	BT 180924	22	174	10.425,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21235	18/6/2014	Sở TNMT
11	BT 180930	22	179	12.907,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21241	18/6/2014	Sở TNMT
12	BT 180928	22	178	16.447,90	Đất ở tại nông thôn	CT 21239	18/6/2014	Sở TNMT
13	BT 180931	22	180	7.543,40	Đất ở tại nông thôn	CT 21242	18/6/2014	Sở TNMT



a
20

